TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST Ngày 30-9-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Kim H1; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Kim H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2016, ngày 22/11/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn trầm trọng, không hoà giải được nên chị và anh H1 đã sống ly thân, không ai quan tâm ai. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Kim H1.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Kim H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 06/10/2016, hiện đang sống cùng anh H1. Chị H đề nghị Tòa án giao con cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim H1 không có quan điểm trình bày tại Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Kim H1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 06/10/2016 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Kim H1 đang cư

trú tại Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Kim H1 đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2016, ngày 22/11/2016). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Kim H1.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Kim H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 06/10/2016, hiện đang sống cùng anh H1. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của đương sự thì giao con cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không đề nghị giải quyết, mặt khác chưa có lời khai của anh H1 về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Kim H1.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Kim H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 06/10/2016. Giao con chung cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008505 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Kim H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương ;
- UBND xã Quốc Tuấn, H. An Dương, Hải Phòng (GCN kết hôn số 51/2016, ngày 22/11/2016);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý